Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 11.11.2020 15:56:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do- Hạnh phúc
Số: 2768/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến Mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 9 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện tại các Bộ ngành, địa phương năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018 - 2019;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bảng thống kê danh mục thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh và Danh mục **1818** thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công Mức độ 4 tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trong đó:

- Cấp tỉnh: Có **1432** thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công Mức độ 4;

- Cấp huyện: Có **251** thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công Mức độ 4;
- Cấp xã: Có **135** thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công Mức độ 4.

(Có phụ lục danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; HCC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

NHATLINH

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Mạnh Hùng

THỐNG KÊ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2768 /QĐ-UBND ngày 11 /11 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Sở/ngành	Tổng số TTHC	TTHC Cấp tỉnh	TTHC Cấp huyện	TTHC Cấp xã	TTHC Áp dụng mức độ 4			Ghi chú
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Tư pháp	229	156	30	43	156	30	40	
2	Xây dựng	48	41	7	0	41	7	0	
3	Khoa học và Công nghệ	55	55	0	0	55	0	0	
4	Ngoại vụ	4	4	0	0	4	0	0	
5	Kế hoạch và Đầu tư	149	124	23	2	92	23	2	
6	Tài nguyên và Môi trường	122	79	36	7	79	37	7	
7	Lao động, TB và XH	154	88	15	51	88	15	51	
8	Nội vụ	133	81	37	15	81	36	15	
9	Văn hóa, Thê thao và Du lịch	141	123	18	0	123	18	5	
10	Tài chính	63	47	16	0	47	16	0	
11	Thông tin và Truyền thông	43	37	6	0	37	6	0	

12	**Y tế**	168	164	2	2	164	2	2	
13	**Công Thương**	141	124	16	1	124	16	1	
14	**Giáo dục và Đào tạo**	95	60	30	5	60	30	5	
15	**Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	112	90	15	7	90	15	7	
16	**Giao thông Vận tải**	86	86	0	0	86	0	0	
17	**Ban Quản lý Khu kinh tế**	105	105	0	0	105	0	0	
18	**Thanh tra**	29	10	10	9	0	0	0	
Tổng		**1877**	**1474**	**261**	**142**	**1432**	**251**	**135**	